

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**HÀ NỘI, THÁNG 5 NĂM 2020**

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2020

## **TÓM TẮT BÁO CÁO**

### **Đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

*Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.*

*Căn cứ Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp nông dân, nông thôn.*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV, yêu cầu xây dựng và triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.*

*Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp và nông thôn.*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025 với các nội dung chính như sau:

### **Phần thứ I**

#### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. Tên Chương trình**

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

##### **2. Chủ Chương trình:**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

##### **3. Đối tượng thụ hưởng của Chương trình**

Đối tượng thụ hưởng của Chương trình là người dân, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

##### **4. Địa bàn thực hiện Chương trình**

Địa bàn thực hiện là khu vực nông thôn trên cả nước.

### **5. Thời gian thực hiện**

Thời gian thực hiện Chương trình là 05 năm: 2021-2025

### **6. Cơ quan thực hiện Chương trình**

Đối tượng thực hiện Chương trình là hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở và toàn xã hội trong đó chủ thể là người dân trên địa bàn nông thôn.

## **Phần thứ II**

### **NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

#### **I. QUAN ĐIỂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Xây dựng NTM là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc. Do đó, cần phát huy những kết quả đạt được của 10 năm qua để tiếp tục xây dựng NTM toàn diện (*tỉnh, huyện, xã, thôn*), bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn so với giai đoạn trước.

2. Xây dựng NTM phải gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn; đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường; thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền; tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trong đó, quan tâm hoàn thiện và cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã khó khăn, đặc thù, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt, ưu tiên hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng cấp thôn, bản; tăng cường phát triển dịch vụ thương mại nông thôn; phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương, sự vào cuộc của các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức quốc tế.

3. Xây dựng NTM gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trên cơ sở xây dựng một nền nông nghiệp theo hướng hiện đại và đặc thù, phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam gắn với phát triển công nghiệp - dịch vụ, du lịch nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

4. Xây dựng NTM phải chú trọng bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, các giá trị tốt đẹp về văn hóa, con người Việt Nam được bảo tồn và phát huy, người dân được tiếp cận chất lượng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe tốt, hệ thống chính trị được tăng cường, quốc phòng, an ninh trật tự được giữ vững.

5. Phát huy nền tảng, sức mạnh toàn dân, tinh thần đoàn kết và vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM theo phương châm: “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng*”.

## II. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

Phấn đấu đến 2025 có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn NTM, không còn xã dưới 15 tiêu chí và các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn phải cơ bản hoàn thành các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu; những địa phương (*xã, huyện, tỉnh*) đã được công nhận đạt chuẩn tiếp tục xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,36 lần so với năm 2020.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Cấp xã: Phấn đấu có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn NTM (*Miền núi phía Bắc: 60%, Đồng bằng sông Hồng: 99%, Bắc Trung Bộ: 87%, Nam Trung Bộ: 80%, Tây Nguyên: 68%; Đông Nam Bộ: 95%, Đồng bằng sông Cửu Long: 80%* số xã đạt chuẩn NTM), trong đó, có khoảng 40% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu;

b) Cấp huyện: Phấn đấu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (*Miền núi phía Bắc: 30%, Đồng bằng sông Hồng: 90%, Bắc Trung Bộ: 45%, Nam Trung Bộ: 35%, Tây Nguyên: 30%; Đông Nam Bộ: 80%, Đồng bằng sông Cửu Long: 35%*), mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM, trong đó, có ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện NTM nâng cao và huyện NTM kiểu mẫu;

c) Cấp tỉnh: cả nước có ít nhất 15 tỉnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (*Miền núi phía Bắc: 01 tỉnh, Đồng bằng sông Hồng: 07 tỉnh, Bắc Trung Bộ: 01 tỉnh, Nam Trung Bộ: 01 tỉnh, Tây Nguyên: 01 tỉnh; Đông Nam Bộ: 04 tỉnh, Đồng bằng sông Cửu Long: 02 tỉnh*);

d) Cấp thôn: Phấn đấu có ít nhất 80% số thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn NTM theo các tiêu chí NTM do cấp tỉnh quy định.

### 2. Phạm vi, đối tượng thực hiện chương trình

#### 2.1. Phạm vi của Chương trình:

Phạm vi của Chương trình là: Trên địa bàn nông thôn của cả nước.

## **2.2. Đối tượng của Chương trình:**

a) Đối tượng thụ hưởng: Là người dân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

b) Đối tượng thực hiện: Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở và toàn xã hội trong đó chủ thể là người dân trên địa bàn nông thôn.

## **III. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn ngân sách Trung ương và dự kiến nguyên tắc, cơ cấu, tiêu chí phân bổ giai đoạn 2021-2025**

#### **1.1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn NSTW**

- Căn cứ định mức thực hiện từng tiêu chí NTM và các nội dung thành phần của Chương trình giai đoạn 2016-2020;

- Hệ số phân bổ và tổng nguồn vốn NSTW đầu tư bình quân/xã theo từng vùng miền giai đoạn 2016-2020;

- Mức tập trung đầu tư cho nâng cao chất lượng đạt chuẩn NTM;

- Mục tiêu phấn đấu đến 2025 có 80% số xã đạt chuẩn NTM, không còn xã dưới 15 tiêu chí, 40% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 50% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM;

- Ý kiến của Quốc hội tại Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27/11/2019 về hỗ trợ cho các xã, thôn, bản thuộc vùng căn cứ kháng chiến, an toàn khu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ưu tiên nguồn lực hỗ trợ các xã ATK cách mạng đạt chuẩn NTM;

Dự kiến tổng nhu cầu vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ trực tiếp để thực hiện được các mục tiêu của Chương trình khoảng **106.458,2 tỷ đồng**, tăng khoảng 1,68 lần so với giai đoạn 2016-2020 (*đã tính cả tỷ lệ trượt giá*), bao gồm: vốn đầu tư phát triển khoảng 79.843,9 tỷ đồng (*chiếm 75%*), vốn sự nghiệp khoảng 26.614,3 tỷ đồng (*chiếm 25%*). Theo tổng hợp từ báo cáo của các Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng nhu cầu vốn ngân sách các địa phương đề xuất Trung ương hỗ trợ trực tiếp **khoảng 111.439 tỷ đồng**. Như vậy, cơ bản thống nhất với phương án xây dựng vốn NSTW hỗ trợ thực hiện Chương trình của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **1.2. Nguyên tắc, cơ chế, tiêu chí phân bổ vốn NSTW thực hiện Chương trình**

##### **a) Nguyên tắc phân bổ nguồn lực**

- Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các xã dựa trên mức độ đạt các tiêu chí NTM của các xã, có ưu tiên theo diện tích tự nhiên, dân số nông thôn và tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương của các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương (Căn cứ theo dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của từng địa phương).

- Ưu tiên hỗ trợ:

+ Các xã đạt từ 5 - 14 tiêu chí để sớm phân đầu đến hết năm 2020, cả nước không còn xã dưới 15 tiêu chí;

+ Các xã trên 15 tiêu chí để phân đầu về đích giai đoạn 2021-2025, hoàn thành mục tiêu cả nước có ít nhất 80% số xã được công nhận đạt chuẩn NTM; Hỗ trợ một phần kinh phí cho các xã đã đạt chuẩn NTM đến 2020 để tiếp tục nâng cao chất lượng các nội dung, tiêu chí đã đạt chuẩn;

+ Hỗ trợ cho huyện phân đầu đạt chuẩn NTM đến 2025.

- Không bố trí vốn ngân sách trung ương cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều tiết về NSTW. Riêng 02 tỉnh (Quảng Ngãi và Quảng Nam) được hỗ trợ một phần vốn NSTW với mức phân bổ bằng 50% so với các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

- Dành một phần kinh phí trong tổng các nguồn vốn ngân sách trung ương của Chương trình để thực hiện các Đề án xây dựng NTM vùng đặc thù, hỗ trợ các xã ATK, thôn bản đặc biệt khó khăn xây dựng NTM; bảo vệ môi trường, thí điểm tỉnh, huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.. (bao gồm các Chương trình, Đề án đã được phê duyệt trong giai đoạn 2016-2020); Chi phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, truyền thông, nâng cao năng lực về xây dựng nông thôn mới ở cấp Trung ương; Thưởng hoàn thành vượt mục tiêu hàng năm và 5 năm trong xây dựng NTM; Các nhiệm vụ cấp bách, phát sinh khác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương..

b) Cơ chế phân bổ:

Tiếp tục thực hiện cơ chế phân bổ vốn NSTW theo hướng: Trung ương hỗ trợ cho địa phương tổng mức vốn và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, để thực hiện. Tuy nhiên, tổng vốn NSTW phân bổ cho các xã trong 5 năm (2021-2025) phải đảm bảo bố trí đủ theo định mức cụ thể cho từng nhóm xã do Trung ương quy định.

c) Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách Trung ương:

Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho địa phương được xác định trên cơ sở tính điểm của các tiêu chí sau:

- Tiêu chí về Tiêu chí NTM: mức độ số lượng các tiêu chí đạt được tính theo nhóm xã (xã đạt 5-9 TC; xã đạt 10-14 TC và xã đạt 15-18 TC), đối tượng xã (xã nâng cao, xã còn lại) và huyện;

- Nhóm tiêu chí phân bổ theo hệ số ưu tiên (*theo diện tích đất tự nhiên, số dân trung bình của các địa phương và tỷ lệ phân bổ vốn bổ sung từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2020*).

## **2. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình**

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 dự kiến khoảng 2.144.902 tỷ đồng (*trương đương giai đoạn 2016-2020*), trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: **106.458 tỷ đồng** (chiếm 5%);

- Nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: 214.490 tỷ đồng (chiếm 10%). Căn cứ tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách địa phương năm 2020, Thủ tướng Chính phủ quy định tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương cụ thể cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các địa phương tự cân đối ngân sách, không được bố trí vốn thực hiện Chương trình từ nguồn vốn NSTW, phải bố trí vốn ngân sách địa phương ở mức cao hơn so với các địa phương khác và huy động hợp lý theo quy định của pháp luật nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu của Chương trình.

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 235.881 tỷ đồng (chiếm 11%), từ các chương trình MTQG khác thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 (*Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 – 2030, Chương trình MTQG Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025*); các chương trình hỗ trợ có mục tiêu (*Chương trình phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo giai đoạn 2016-2020; Chương trình mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020; Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối tượng công ích giai đoạn 2016 – 2020*); Một số Đề án đặc thù được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện đến 2025 để hoàn thành các mục tiêu theo chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành Trung ương; từ các dự án ODA và các nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế

- Vốn tín dụng: 1.341.470 tỷ đồng (chiếm 62,5%);

- Vốn từ các doanh nghiệp, HTX và các loại hình kinh tế khác: 117.941 tỷ đồng (chiếm 5,5%);

- Huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư (tiền bạc, ngày công, đóng góp vật liệu xây dựng...): 128.662 tỷ đồng (chiếm 6%).

## **IV. CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN**

### **1. Chi phí quản lý, chỉ đạo thực hiện chương trình**

Để hỗ trợ hoạt động của bộ máy, cũng như thực hiện công tác quản lý chỉ đạo thực hiện Chương trình các cấp được hiệu quả, nhất là đối với các địa phương khó khăn, phụ thuộc vào hỗ trợ từ NSTW, dự kiến một số nội dung cơ bản phục vụ quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình như sau:

- Chi quản lý chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần của Chương trình theo nhiệm vụ được phân công; chi hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương;

- Chi tổ chức hội nghị, hội thảo (*hội nghị về lập kế hoạch, triển khai thực hiện; hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình, tham quan mô hình, trao đổi kinh nghiệm về NTM giữa các địa phương và các hoạt động, dự án thành phần thuộc Chương trình; hội thảo khoa học trong nước, hoạt động chuyên môn có tính chất nghiên cứu khoa học; hội nghị, hội thảo quốc tế*);

- Chi thực hiện thẩm định hồ sơ để xem xét, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (*bao gồm: tổ chức họp, kiểm tra, đánh giá thực địa, khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân...*) theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn NTM; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016- 2020.

- Chi nghiên cứu cơ chế, chính sách và xây dựng các mô hình thí điểm phục vụ nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hướng dẫn các nội dung thành phần của Chương trình;

- Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Ban Chỉ đạo và cán bộ kiêm nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc triển khai Chương trình ở các cấp.

- Chi phí kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp.

- Chi vật tư văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, trang thiết bị, mua sắm, sửa chữa phương tiện (máy tính, máy in, camera...) và các khoản phát sinh chi đột xuất theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương được trích 1,0 - 1,5% nguồn ngân sách hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cụ thể kinh phí cho Ban Chỉ đạo các cấp ở địa phương. Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cân đối hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho cơ quan chỉ đạo Chương trình.

## **2. Chi phí duy tu bảo dưỡng các công trình**

Trong giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định các địa phương được bố trí khoảng 6% vốn đầu tư xây dựng cơ

bản của từng xã để duy tu, bảo dưỡng và vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Với khoản kinh phí này, nhiều địa phương đã chủ động lồng ghép kinh phí từ các chương trình, dự án khác, nguồn vốn xã hội hóa và đóng góp của người dân để thực hiện duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông, hệ thống kênh mương, nhà sinh hoạt cộng đồng, nước sinh hoạt, sửa chữa trường học... để phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Từ đó nâng cao được độ bền, chất lượng, hiệu quả sử dụng các công trình, gắn quyền lợi của việc sử dụng các công trình với trách nhiệm, nghĩa vụ bảo quản, duy tu, bảo dưỡng công trình của các địa phương, cộng đồng, người dân và đơn vị sử dụng công trình sau đầu tư.

Do đó, trong giai đoạn 2021-2025, đề xuất giữ nguyên mức kinh phí hỗ trợ cho các địa phương để thực hiện các hoạt động duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình hạ tầng sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng trên địa bàn xã. Chi phí cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở áp dụng mức khoán chung khoảng 6% vốn đầu tư xây dựng cơ bản của từng xã, giao cho xã chủ động phân bổ, cũng như huy động thêm các nguồn vốn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để duy tu, bảo dưỡng vận hành các công trình cụ thể trên địa bàn.

## **V. NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Nội dung thành phần thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025**

Sau gần 10 năm thực hiện, Chương trình đã mang lại hiệu quả tích cực và rộng khắp, thể hiện vai trò của một chương trình tổng thể, toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng khu vực nông thôn. Với các nội dung và tiêu chí xây dựng NTM, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, đã được các Bộ, ngành và địa phương triển khai có hiệu quả, được đánh giá là phù hợp, bao trùm được các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về NTM.

Do đó, trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đề nghị giữ nguyên bố cục 11 nội dung thành phần của Chương trình như giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên các mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, nội dung, nhiệm vụ thực hiện cụ thể được điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Trung ương và các quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp (tỉnh, huyện, xã) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) thực hiện trong giai đoạn 2021-2025; phù hợp với chức năng quản lý nhà nước và điều hành của các Bộ, ngành chủ trì nội dung thành phần, cụ thể như sau:

#### ***1.1. Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch***

##### **a) Mục tiêu:**

- Đạt yêu cầu của tiêu chí số 1 trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM (xã, huyện, tỉnh);

- Đến năm 2025, 100% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 70% số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; 70% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM, 40% huyện đạt chuẩn tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nhiệm vụ: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp xã, huyện, tỉnh đảm bảo xây dựng NTM gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, tạo điều kiện phát triển kinh tế nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Nội dung:

- Nội dung 01. Rà soát, điều chỉnh lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) quy hoạch chung xây dựng xã theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Từng bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng (sau quy hoạch chung xây dựng xã) nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn;

- Nội dung 02. Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, làm cơ sở lập quy hoạch chung các xã, các đô thị, các khu chức năng thuộc huyện;

- Nội dung 03. Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2030 gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn.

d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Xây dựng chủ trì, hướng dẫn nội dung số 01, 02.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hướng dẫn nội dung số 03.

đ) Nguồn vốn thực hiện: Vốn từ nguồn ngân sách địa phương.

***1.2 Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền:***

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2, 3, 4, 7, 8, 9 và chỉ tiêu số 5.1, 5.2 của tiêu chí số 5; chỉ tiêu 6.1, 6.2, 6.3 của tiêu chí số 6; chỉ tiêu số 17.1 của tiêu chí 17 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2, 3, 4, 7, 8, 9 và chỉ tiêu số 5.1 của tiêu chí số 5; chỉ tiêu 6.2 của tiêu chí số 6; chỉ tiêu 18.1, 18.2 của tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 2, 3, 4, 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

## b) Nhiệm vụ:

- Đối với cấp xã: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn (*giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch tập trung...*), nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác công trình đảm bảo bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong đó:

+ Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi ở những địa bàn khó khăn do đặc thù về điều kiện địa hình, địa chất, vùng chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, tạo sức bật để các địa phương khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có, đặc biệt là các xã chưa đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020; hỗ trợ hoàn thiện các công trình hạ tầng thiết yếu cấp thôn, bản;

+ Hỗ trợ các xã xây dựng NTM nâng cao hoàn thiện, bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu theo hướng nâng cao chất lượng và bền vững;

- Cấp huyện: Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị, từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung của vùng, tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện. Ưu tiên đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thu mua, kết nối, cung ứng nông sản hiện đại, cơ sở hạ tầng chế biến, thương mại và dịch vụ gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

- Cấp tỉnh: phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối liên huyện, liên vùng đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống người dân trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công nghệ thông tin - truyền thông trong phạm vi cả nước, bảo đảm an toàn, đồng bộ, kết nối liên ngành và liên vùng.

- Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng về nước sạch, đặc biệt là các công trình nước sạch tập trung nhằm nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo hệ thống tập trung; khuyến khích các mô hình đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa, có sự tham gia của doanh nghiệp và cộng đồng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa; các mô hình cấp nước uống cho trường học, trạm y tế tại các xã đảo...

## c) Nội dung cụ thể:

- Nội dung 01. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện, hệ thống bến xe khách cấp huyện đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 60% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: 70% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 40% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao;

- Nội dung 02. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp huyện, xã, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 45% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: 70% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 40% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 2 về Thủy lợi theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 03. Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: 70% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 40% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao; hướng đến 100% hộ gia đình nông thôn tiếp cận được nguồn điện ổn định, chất lượng.

- Nội dung 04. Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh các công trình cấp xã đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng hoàn chỉnh công trình đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho trường Trung học phổ thông cấp huyện, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; xây dựng Đề án thực hiện định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2025 ở cấp tỉnh. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 90% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 5.1, 5.2 của tiêu chí số 5 về Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 60% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 5.1 của tiêu chí số 5 về Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: 80% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.3, 5.4 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện về huyện NTM; 50% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.4, 5.5 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 05. Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí hoạt động cho thiết chế văn hóa – thể thao. Xây dựng các Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, thiết chế văn hóa tỉnh đạt chuẩn và có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa trên địa bàn xã gắn với phát triển du lịch nông thôn. Đến năm 2025:

+ Cấp xã: có 90% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 6.1, 6.2, 6.3 của tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 6.2 của tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Cấp huyện: 70% số huyện đạt chuẩn tiêu chỉ tiêu 5.2 của chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 50% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.2 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 06. Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân; xây dựng điểm dịch vụ hỗ trợ thương mại cho các sản phẩm hàng hóa trên địa bàn xã; chợ trung tâm huyện được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đạt tiêu chuẩn hoặc Chợ đầu mối/Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn đạt chuẩn; đầu tư cơ sở hạ tầng trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông sản. Đến năm 2025,

- Cấp xã: có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Dịch vụ, thương mại theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025; 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Dịch vụ, Thương mại theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025;

+ Cấp huyện: có ít nhất 70% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.2 về Kinh tế nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 40% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.2 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

- Nội dung 07. Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trong đó tập trung cho các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã hải đảo, các xã thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn. Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đạt chuẩn cho các Trung tâm Y tế huyện. Đến năm 2025, 100% trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu số 5.1 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM;

- Nội dung 08. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, trong đó tiếp tục hoàn thiện hệ thống bưu chính, đài truyền thanh cấp xã; xây dựng và nâng cấp hệ thống internet, gán mã bưu chính viễn thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành ở cấp xã. Đến năm 2025, có 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; có 60% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Nội dung 09. Tập trung xây dựng và nâng cấp hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định của Bộ Y tế; tăng cường công tác quản lý, vận hành và khai thác công trình đảm bảo bền vững. Đến năm 2025, có 55% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế; 100% Trường học và trạm y tế xã có công trình nhà tiêu hợp vệ sinh, ít nhất 70% có nước sạch; có ít nhất 90% số xã đạt chỉ tiêu số 18.1 của tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 50% số xã đạt chỉ tiêu số 18.1, 18.2 của tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Nội dung 10. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng sản xuất tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.3 của tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện nội dung số 01.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện các nội dung số: 02, 09, 10 và nội dung về đầu tư cơ sở hạ tầng các trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông sản thuộc nội dung số 06.

- Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện các nội dung số 03, 06 (trừ nội dung đầu tư các trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông sản).

- Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nội dung số 04.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung số 05.

- Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nội dung số 07.

- Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung số 08.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, trường học, trạm y tế, văn hóa, công nghệ thông tin, nước sạch tập trung) ở các xã; một phần các công trình cơ sở hạ tầng kết nối liên xã, cấp huyện;

- Vốn từ nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh;

- Vốn từ Chương trình vùng DTTS hỗ trợ các công trình cơ sở hạ tầng giao thông cấp thôn, bản ở các xã thuộc vùng DTTS;

- Vốn huy động từ doanh nghiệp, tổ chức theo hình thức xã hội hóa đầu tư các công trình điện, thương mại nông thôn;

- Vốn huy động từ người dân, cộng đồng dân cư.

**1.3 Phát triển sản xuất nông nghiệp hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững**

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 về thu nhập, tiêu chí số 12 về lao động và tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và xã NTM nâng cao; tiêu chí số 6 về Kinh tế nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

- Đến năm 2025:

+ Có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập; 95% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động; 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;

+ Có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập; 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động; 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

+ Có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.1, 6.3 của tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 40% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.1, 6.3 và 6.4 của tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

+ Diện tích trồng trọt, nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình thực hành tốt duy trì tốc độ tăng trưởng ít nhất 10%/năm; đẩy mạnh diện tích được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; về chế biến nông sản thấp nhất 10% năm; tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực nông nghiệp, nông thôn tham gia cho chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản đạt 80%; duy trì mức tăng trưởng xuất khẩu nông sản ít nhất 10%/năm.

+ Tăng 10% số làng văn hóa du lịch/làng du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn; tăng tỷ trọng lao động nông thôn tham gia vào hoạt động du lịch trên 30% lực lượng lao động du lịch ở các xã NTM phát triển du lịch;

b) Nhiệm vụ:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng bền vững, đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội. Trong đó tập trung vào:

+ Thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, cơ giới hóa đồng bộ gắn với các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng CNC gắn với áp dụng các qui trình kỹ thuật chuẩn và cấp mã vùng sản xuất;

+ Tiếp tục phát triển các sản phẩm, ngành nghề nông thôn theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm nhằm phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội; thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch NTM, cộng đồng du lịch và điểm dịch vụ du lịch NTM;

+ Quan tâm đến trồng rừng, bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững; chăn nuôi an toàn sinh học; phát huy lợi thế về tài nguyên biển để phát triển nuôi trồng và khai thác thủy, hải sản theo hướng hiệu quả, bền vững;

+ Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư vào nông nghiệp quy mô lớn, lĩnh vực chế biến nông sản và lĩnh vực phi nông nghiệp, tạo nhiều việc làm. Hình thành hệ thống trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm gắn với chuỗi các chợ đầu mối hoặc trung tâm cung ứng hàng nông sản.

- Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp; chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn sang phát triển làng nghề thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, nông thôn.

### c) Nội dung:

- Nội dung 01. Tập trung triển khai các nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội.

- Nội dung 02. Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng sản xuất tập trung, cơ giới hóa đồng bộ gắn với các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu.

- Nội dung 03. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, đặc sản địa phương, ngành nghề nông thôn theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với xây dựng phát triển dịch vụ du lịch NTM, cộng đồng du lịch và điểm dịch vụ du lịch NTM; triển khai hiệu quả các giải pháp phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

- Nội dung 04. Nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất (HTX, THT...), khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp;

- Nội dung 05. Xây dựng trung tâm kết nối, xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm gắn với chuỗi các chợ đầu mối hoặc trung tâm cung ứng hàng nông sản.

- Nội dung 06. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng NTM; tăng cường công tác xây dựng khung khổ, thể chế, chính sách, các mô hình sản xuất có hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn;

- Nội dung 07. Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng NTM, trong đó tập trung:

- Phát triển hệ thống điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn đặc trưng gắn với xây dựng NTM: trải nghiệm văn hóa, lễ hội, làng nghề; sinh thái nông nghiệp; giáo dục học đường; nghỉ dưỡng nông thôn, chăm sóc sức khỏe; phát triển hàng hóa nông nghiệp phục vụ tiêu dùng du lịch: quà tặng, lưu niệm, trang trí; mỹ phẩm, dược phẩm chăm sóc sức khỏe; ẩm thực;

- Phát triển nguồn nhân lực cho du lịch nông thôn;

- Tăng cường quảng bá, xúc tiến sản phẩm du lịch nông thôn, ưu tiên gắn với xây dựng mô hình phát triển du lịch nông thôn.

- Nội dung 08. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ nông thôn:

+ Đánh giá nhu cầu đào tạo nghề, phát triển đa dạng và nâng cao các hình thức đào tạo gắn với bằng cấp, chứng chỉ...

+ Tiếp tục hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phương tiện cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên ở các vùng khó khăn; xây dựng mới danh mục nghề đáp ứng yêu cầu của cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực từng bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ nông thôn

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, công nghệ cao; nâng cao chất lượng cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách xã hội, dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn;

+ Hỗ trợ phát triển thị trường lao động khu vực nông thôn; Hỗ trợ lao động nông thôn tìm kiếm, kết nối việc làm thông qua các Trung tâm dịch vụ việc làm; Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng

d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT: chủ trì và hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01, 02, 03, 05, 06 và nhiệm vụ nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp thuộc nội dung 04.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung số 07.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và hướng dẫn thực hiện thực hiện nhiệm vụ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc nội dung 04.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 08, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương;

- Vốn tín dụng hỗ trợ phát triển sản xuất;

- Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã...

- Vốn từ Chương trình vùng DTTS;

- Vốn thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

- Vốn từ các Chương trình, Đề án, dự án về phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

#### ***1.4 Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, bãi ngang và hải đảo***

a) Mục tiêu: đạt yêu cầu của tiêu chí số 9 và 11 trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Đến năm 2025, 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở, 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 70% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về Nhà ở, 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; 100% số người gặp khó khăn được hưởng hỗ trợ đột xuất.

b) Nhiệm vụ: Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm hướng đến giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững.

##### c) Nội dung:

- Nội dung 01. Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh xã hội giai đoạn 2021-2025; và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; ưu tiên đảm bảo chính sách an sinh xã hội đối với người nghèo, đồng bào dân tộc và đối tượng dễ bị tổn thương.

- Nội dung 02. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát.

##### d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh xã hội giai đoạn 2021-2025; thực hiện các chính sách an sinh xã hội;

- Ủy ban dân tộc chủ trì Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Bộ Xây dựng chủ trì, hướng dẫn nội dung số 02.

##### đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn từ Chương trình MTQG Giảm nghèo và ASXH giai đoạn 2021-2025;

- Vốn từ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Vốn từ chính sách hỗ trợ nhà ở.

#### ***1.5 Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn:***

##### a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu của chỉ tiêu từ 5.3 đến 5.7 của tiêu chí số 5; tiêu chí số 14 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu từ 5.3 đến 5.7 của tiêu chí số 5 về Giáo dục; 100% số xã đạt chuẩn tiêu

chỉ số 14 về Y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học đạt 97%, cấp trung học cơ sở là 88%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng ở thể thấp còi khu vực nông thôn dưới 20%, thể béo phì dưới 05%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tối thiểu 98%; đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục.

- Đạt yêu cầu của chỉ tiêu từ 5.2 đến 5.6 của tiêu chí số 5; tiêu chí số 14 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu từ 5.2 đến 5.6 của tiêu chí số 5 về Giáo dục; 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu của chỉ tiêu 5.1 của tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 5.1 của tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nhiệm vụ: Chú trọng nâng cao hiệu quả của y tế cộng đồng cấp xã và cấp huyện đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn. Cùng với đó là tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nông thôn.

c) Nội dung:

- Nội dung 1. Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục, phổ cập giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, ưu tiên các chính sách để hỗ trợ khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng miền núi, ven biển, khu công nghiệp, khu chế xuất để nâng cao tỷ lệ huy động trẻ đến trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60”.

- Nội dung 02. Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về NTM, đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn. Triển khai hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới (Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ);

- Nội dung 03. Tăng cường chất lượng dịch vụ y tế ở tuyến xã, huyện, đảm bảo chăm sóc sức khỏe người dân “toàn diện, liên tục”; thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình;

- Nội dung 04. Chú trọng đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc trẻ em, sức khỏe sinh sản và tình dục của phụ nữ ở khu vực nông thôn.

d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01;
- Bộ Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 02, 03, 04.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương;
- Vốn từ Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025; Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025;
- Vốn thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ;...

### ***1.6 Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn***

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu chỉ tiêu số 6.4 của tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất có 90% số xã chuẩn đạt chỉ tiêu số 6.4 của tiêu chí số 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.
- Đạt yêu cầu chỉ tiêu số 6.1, 6.3 của tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số xã chuẩn đạt chỉ tiêu 6.1, 6.3 của tiêu chí số 6 về Văn hóa theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

b) Nhiệm vụ: Bảo tồn và phát huy sự đa dạng, phong phú về các giá trị văn hóa ở nông thôn, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình trải nghiệm, du lịch NTM

c) Nội dung:

- Nội dung 01. Tiếp tục xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với tổ chức cộng đồng, kết nối các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân, nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi. Phát động các phong trào rèn luyện thể dục thể thao phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương. Tăng cường nghiên cứu, mở rộng mô hình về phát huy, kết nối thiết chế văn hóa truyền thống và thiết chế văn hóa mới đảm bảo sự đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc.

- Nội dung 02. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống.

- Nội dung 03. Phát triển các mô hình du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao giá trị kinh tế của các giá trị văn hóa.

d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn;

- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hướng dẫn xây dựng mô hình thanh niên nông thôn làm kinh tế văn hóa. Phát huy giá trị văn hóa truyền thống nhằm bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Vốn hỗ trợ từ NSTW, ngân sách địa phương;
- Vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư...
- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

### **1.7 Bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh – sạch – đẹp và an toàn**

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 và các chỉ tiêu 18.2, 18.3, 18.4 của tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 85% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường; 90% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 18.2, 18.3 và 18.4 của tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 17 và các chỉ tiêu 18.3, 18.4 của tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường; 60% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 18.3, 18.4 của tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 7 và các chỉ tiêu 8.3, 8.4, 8.5 tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Môi trường, 70% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 8.3, 8.4, 8.5 của tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí về huyện NTM.

- Đạt yêu cầu về tiêu chí số 7 và các chỉ tiêu 8.3, 8.4, 8.5 tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 30% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 về Môi trường; 40% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 8.3, 8.4, 8.5 của tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí về huyện NTM nâng cao.

b) Nhiệm vụ: Tăng cường các giải pháp bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; thúc đẩy công tác quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường sản xuất nông nghiệp, làng nghề, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt; hình thành các mô hình sản xuất sinh thái, an toàn với môi trường ...

c) Nội dung:

- Nội dung 01. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường khu vực nông thôn, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư các khu xử lý rác tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh, đồng thời khuyến khích phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ,

cấp thôn trong cộng đồng dân cư (*tăng tỷ lệ chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật được phân loại, thu gom và xử lý*);

- Nội dung 02. Tiếp tục phát động và duy trì các phong trào nói không với rác thải nhựa; tái sử dụng chất thải nông nghiệp đảm bảo đúng quy định; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường;

- Nội dung 03. Phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại rác tại nguồn, tái sử dụng các loại chất thải ngay từ nguồn phát sinh theo nguyên lý “kinh tế tuần hoàn”;

- Nội dung 04. Đẩy mạnh xử lý khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường ở những nơi gây ô nhiễm nghiêm trọng (khu/cụm công nghiệp; làng nghề; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung; nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; bãi tập trung chôn lấp;...).

- Nội dung 05. Xây dựng Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định;

- Nội dung 06. Tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh, sạch, đẹp; khu dân cư kiểu mẫu làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh về lâu dài;

- Nội dung 07. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; xây dựng gia đình “5 không, 3 sạch”; xây dựng các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01, 02, 06, 07 liên quan đến môi trường nông thôn.

- Bộ Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến cải thiện vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình, trạm y tế; quản lý an toàn thực phẩm các cơ sở kinh doanh.

- Bộ Xây dựng chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung cải tạo nghĩa trang, cơ sở hỏa táng.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 03; 04; 05.

- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chủ trì, hướng dẫn thực hiện Cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn NSTW, ngân sách địa phương;

- Vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư;

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

**1.8 Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.**

a) Mục tiêu:

- Đạt yêu cầu chỉ tiêu số 15.1 của tiêu chí số 15, tiêu chí số 16 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 95% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.1 của tiêu chí số 15 về Hệ thống chính trị; 90% xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Đạt yêu cầu tiêu chí số 15, 16 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Đến năm 2025, có ít nhất 60% số xã chuẩn đạt tiêu chí số 15 về Hành Chính công; 60% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

- Đạt yêu cầu chỉ tiêu 8.3, 8.4 của tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 8.3, 8.4 tiêu chí số 8 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM;

- Đạt yêu cầu chỉ tiêu 8.3, 8.4 của tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, 30% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 8.3 tiêu chí số 8 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nhiệm vụ: Tăng cường nâng cao chất lượng cán bộ, dịch vụ hành chính công và khả năng tiếp cận pháp luật của người dân, nhằm hướng đến xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch và hiệu quả ở khu vực nông thôn.

c) Nội dung:

- Nội dung 01. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, đặc biệt là các vùng khó khăn, miền núi, ven biển và hải đảo.

- Nội dung 02. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công; đầu tư nâng cấp hạ tầng, cơ sở dữ liệu, các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh).

- Nội dung 03. Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; nâng cao hoạt động trợ giúp pháp lý, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn;

d) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01;

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện nội dung số 02;

- Bộ Tư Pháp chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 03.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn NSTW, ngân sách địa phương;

- Vốn từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư;

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

**1.9 Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM;**

a) Mục tiêu:

- Đáp ứng yêu cầu của chỉ tiêu 15.2, 15.3 của tiêu chí số 15 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Đến năm 2025, có 100% số xã đạt chỉ tiêu 15.2, 15.3 của chỉ số 15 về Hệ thống chính trị theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Tiếp tục triển khai rộng khắp các phong trào thi đua gắn với xây dựng NTM.

b) Nhiệm vụ: Tiếp tục triển khai hiệu quả, rộng khắp các phong trào thi đua đến mọi tầng lớp nhân dân; tăng cường các giải pháp bình đẳng giới.

c) Nội dung:

- Nội dung 01. Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”;

- Nội dung 02. Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; thực hiện công tác giám sát và phản hiện xã hội trong xây dựng NTM;

- Nội dung 03. Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế thông qua triển khai hiệu quả Chương trình Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM;

- Nội dung 4. Triển khai hiệu quả phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

- Nội dung 05. Tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM theo phương châm: dân biết, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM;

- Nội dung 06. Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 01.

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về tiếp tục triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” thuộc nội dung số 02, 05.

- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 03.

- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 04.

- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 06.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn NSTW, ngân sách địa phương;

- Vốn huy động từ các tổ chức, cộng đồng dân cư.

### ***1.10 Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.***

a) Mục tiêu:

- Đạt tiêu chí số 19 trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 98% số xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; 60% số xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao;

- Đạt yêu cầu chỉ tiêu số 9.1, 9.2 của tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Đến năm 2025, có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chỉ tiêu 9.1, 9.2 của tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 40% đơn vị cấp huyện đạt chỉ tiêu 9.1, 9.2 của tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

b) Nội dung:

- Nội dung 01. Tăng cường phát huy vai trò tự quản, sự tham gia của người dân đối với công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn;

- Nội dung 02. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp”, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, đảm bảo giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Công an chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 01.

- Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện nội dung số 02.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn NSTW, ngân sách địa phương;

- Vốn huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư;
- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, dự án trên địa bàn.

### ***1.11 Nâng cao năng lực xây dựng NTM và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng NTM.***

a) Mục tiêu: Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách xây dựng NTM các cấp, 100% cán bộ trong hệ thống chính trị tham gia chỉ đạo xây dựng NTM được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống văn phòng NTM các cấp.

b) Nội dung:

- Nội dung 01. Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, tăng cường sự chỉ đạo ở cấp huyện đối với vùng núi, ven biển và hải đảo, khu vực đồng bào dân tộc; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng.

- Nội dung 02. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu cập nhật thường xuyên kết quả xây dựng NTM chi tiết tới các xã, thôn, công trình hạ tầng, sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung 03. Đẩy mạnh, đa dạng hình thức truyền thông, nâng cao nhận thức để nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM;

c) Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung số 01.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung số 02, 03.

đ) Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn NSTW, ngân sách địa phương;
- Vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

## **2. Các đề án, chương trình, dự án thuộc Chương trình**

Trên cơ sở định hướng về nội dung của Chương trình, các nhóm nội dung ưu tiên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự kiến các đề án, dự án, chương trình sẽ được triển khai giai đoạn 2021-2025 sử dụng nguồn vốn của Chương trình bao gồm:

(1) Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 – 2020;

(2) Đề án hỗ trợ các xã ATK xây dựng NTM và phát triển kinh tế bền vững<sup>1</sup>;

(3) Thực hiện một số Đề án xây dựng NTM vùng đặc thù (*Điện Biên, Lào Cai, Bắc Kạn, Nghệ An...*); 04 huyện điểm xây dựng NTM kiểu mẫu và tỉnh Hà Tĩnh xây dựng tỉnh NTM; Đề án phát triển hạ tầng giao thông nông thôn một số vùng đặc thù;...

(4) Thực hiện một số đề án, chương trình chuyên đề nhằm phát triển kinh tế nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp: *Đề án Phát triển hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại; Đề án nâng cấp CSHT vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; Đề án môi trường; Đề án về nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng NTM; Đề án xây dựng huyện NTM gắn với đô thị hóa; Đề án phát triển chế biến và cơ giới hóa nông nghiệp; Đề án phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với biến đổi khí hậu vùng ĐB Sông Cửu Long; Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề; Dự án xây dựng mô hình quản lý vùng nguyên liệu gắn với mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc nông sản nhằm thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị xuất khẩu; Dự án thí điểm xây dựng NTM gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống giai đoạn 2021-2025.*

(5) Một số nội dung, nhiệm vụ khác được Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương phê duyệt thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

## VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

**1.** Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng NTM, phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng NTM*” giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ phát động.

**2.** Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình được phê duyệt và điều kiện thực tế, ban hành kế hoạch hành động 5 năm, hàng năm để lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, tập trung chỉ đạo và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình giai đoạn 2021-2025, trong đó, chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền; phát triển kinh tế nông thôn gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn xanh – sạch – đẹp – an toàn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn; giữ gìn an ninh trật tự xã hội và quốc phòng trên địa bàn nông thôn.

**3.** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, nghiên cứu, đề xuất mô hình bộ máy tổ chức triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM các cấp giai đoạn 2021-2025; chỉ đạo các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính

<sup>1</sup> Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020

sách đặc thù hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chương trình theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững; ...

**4.** Tập trung chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện Bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương (tỉnh, huyện, xã); nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp ngay các chuyên nghiệp; ưu tiên bố trí đủ người có tâm huyết, đủ năng lực cho bộ máy tham mưu về NTM.

**5.** Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 để góp phần nghiên cứu, giải quyết các vấn đề từ thực tiễn đặt ra trong phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của người dân, phù hợp với điều kiện đặc thù của các địa phương; tham gia xây dựng khung khổ, thể chế, chính sách thực hiện Chương trình theo đặt hàng của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; thử nghiệm và nhân rộng các mô hình hiệu quả vào thực tiễn;

**6.** Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình, vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua; Nghiên cứu, đổi mới và mở rộng chính sách tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay; hỗ trợ tín dụng chính sách để phát triển Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); xây dựng, sửa chữa các công trình cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; thực hiện các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế, tạo việc làm cho người dân;...

### **7. Cơ chế đầu tư:**

a) Chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới:

- Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã (*gọi tắt là Ban Quản lý xã*), do Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập, là chủ đầu tư. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban Quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

- Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng quy mô cấp huyện, liên xã: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn Chủ đầu tư đảm bảo có đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng, để thực hiện.

b) Cơ chế đầu tư:

- Đối với các Dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù rút gọn theo quy định của Chính phủ.

- Đối với các Dự án khác thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **8. Hợp tác quốc tế trong xây dựng NTM**

- Vận động, hợp tác với các tổ chức quốc tế hỗ trợ tư vấn và kỹ thuật cho chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM;

- Tranh thủ hỗ trợ vốn và vay vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế và các đối tác phát triển quốc tế để tăng nguồn lực cho xây dựng NTM.

**9. Cơ chế điều hành, quản lý Chương trình:** Thực hiện theo quy chế quản lý, điều hành và thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ quy định đảm bảo tính chuyên nghiệp, đồng bộ và thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Theo đó, thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp Trung ương, tỉnh và huyện.

## **VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1 Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương:**

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (là Cơ quan chủ trì Chương trình):

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 5 năm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Chủ trì xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện Chương trình hàng năm theo kế hoạch trung hạn 2021-2025 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chủ trì nội dung thành phần thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, giai đoạn 5 năm dự kiến giao cho từng bộ, cơ quan trung ương và các địa phương thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp;

- Chủ trì xây dựng hướng dẫn các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021- 2025 và kế hoạch hàng năm sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

- Chủ trì xây dựng hệ thống đánh giá giám sát Chương trình và hướng dẫn các cơ quan thực hiện Chương trình quy trình đánh giá, giám sát Chương trình, hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách của Chương trình;

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo tăng cường sự phối hợp của các Bộ, ngành và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ ngành có liên quan chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội nghiên cứu, xây dựng chính sách tín dụng ưu đãi đầu tư xây dựng, cải tạo công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hỗ trợ tín dụng chính sách để phát triển Chương trình phát triển Mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng địa bàn trình Chính phủ xem xét, ban hành;

- Chủ trì thẩm định và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào kế hoạch 5 năm và kế hoạch hằng năm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Chủ trì đề xuất phương án tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương để có thêm nguồn lực thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2025 theo phê duyệt của Quốc hội và Chính phủ;

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

c) Bộ Tài chính thực hiện các nhiệm vụ:

- Chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp để đảm bảo hoạt động của Chương trình;

- Chủ trì xây dựng quy định về cơ chế tài chính, hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

d) Các Bộ, cơ quan Trung ương được phân công chủ trì nội dung thành phần thuộc Chương trình:

Hướng dẫn xây dựng kế hoạch; rà soát, tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 5 năm và hàng năm giao cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương thực

hiện đối với các nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan chủ trì Chương trình) tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Lập kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 5 năm và hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi cơ quan chủ trì Chương trình tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Hướng dẫn các địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì Chương trình, các Bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi cơ quan chủ trì Chương trình tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Cơ quan chủ trì Chương trình để tổng hợp;

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung của các Bộ, ngành;

- Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình cơ sở hạ tầng thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước được phân công;

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

- Hướng dẫn và chỉ đạo các địa phương thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM theo phân công.

đ) Các Bộ, cơ quan Trung ương tham gia thực hiện Chương trình:

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo;

- Có trách nhiệm lồng ghép các Chương trình trình mục tiêu, dự án của từng Bộ, ngành với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

e) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra, giám sát các ngân hàng thương mại trong việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình.

g) Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam:

- Ưu tiên hỗ trợ các hộ thuộc đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn các xã khó khăn được vay vốn sản xuất, kinh doanh, nước sạch; hỗ trợ doanh nghiệp, thương nhân vay vốn kinh doanh tại vùng khó khăn... nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sản xuất và sinh hoạt của người dân trong xây dựng NTM;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách tín dụng ưu đãi đầu tư xây dựng, cải tạo công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hỗ trợ tín dụng chính sách để phát triển Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; hỗ trợ thôn, bản khó khăn xây dựng NTM.

h) Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền phục vụ yêu cầu của Chương trình.

## **2. Trách nhiệm của các địa phương:**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hằng năm gắn với nhiệm vụ của các ngành, địa phương, bao gồm các nội dung: kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi Cơ quan chủ trì nội dung thành phần, cơ quan chủ trì Chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định;

- Triển khai rà soát, hoàn thiện quy hoạch cấp tỉnh;

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh;

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh;

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc các cấp thống nhất, đồng bộ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

- Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng NTM cấp huyện trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch xây dựng NTM chung của tỉnh;

b) Cơ quan thường trực Chương trình ở cấp tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn thực hiện Chương trình hàng năm theo kế hoạch trung hạn của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Trên cơ sở chỉ tiêu phân đấu, nhiệm vụ và nguồn vốn ngân sách hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phương án giao chỉ tiêu phân đấu, nhiệm vụ cụ thể cho các huyện, xã thực hiện trình Hội đồng nhân dân quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất tình hình sử dụng nguồn vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước của Chương trình trên địa bàn tỉnh theo từng nội dung, lĩnh vực để báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn huyện;

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện và chỉ đạo các xã rà soát, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch NTM cấp xã phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với đô thị hóa;

- Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng NTM các xã trên địa bàn để phù hợp với Kế hoạch xây dựng NTM của huyện; Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện (giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, môi trường, y tế, giáo dục) đảm bảo kết nối đồng bộ với cơ sở hạ tầng của các xã trên địa bàn;

- Chỉ đạo và phân công các phòng, ban cấp huyện trực tiếp hỗ trợ các xã để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM;

- Quy hoạch và thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung theo hướng liên kết chuỗi giá trị phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

### **3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể:**

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các tổ chức thành viên tiếp tục chủ động, tích cực tham gia vào thực hiện Chương trình; tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM.

## **Phần thứ III KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

### **1. Về bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình**

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, bố trí vốn ngân sách Trung ương (*khoảng 106.458 tỷ đồng*) và quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương (*dự kiến khoảng 214.490*) cho Chương trình giai đoạn 2021-2025 (*theo phương án đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) để đảm bảo bố trí đủ nguồn lực hỗ trợ các địa phương hoàn thành được các mục tiêu xây dựng NTM ***toàn diện, đi vào chiều sâu và bền vững***, theo đúng chủ trương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

## **2. Về cơ chế điều hành thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp giai đoạn 2021-2025 (*Ban Chỉ đạo các cấp*):

Để nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, tập trung được nguồn vốn ngân sách Nhà nước của Chương trình MTQG xây dựng NTM và các chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng địa bàn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ đồng ý chủ trương trình Quốc hội cho phép chỉ thành lập duy nhất 01 Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia ở Trung ương và 01 Ban Chỉ đạo ở địa phương (*cấp tỉnh, cá huyện, xã*).

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ chế lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng địa bàn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, đồng ý trình Chính phủ ban hành, để thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

b) Tổ chức bộ máy tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025:

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ Sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, đồng ý chủ trương tiếp tục duy trì hệ thống Văn phòng Điều phối NTM chuyên trách ở các cấp (*Trung ương, tỉnh và huyện*) và bố trí cán bộ theo dõi chương trình ở cấp xã; giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng Đề án cụ thể gửi Bộ Nội vụ thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**3.** Trên cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện các Đề án xây dựng NTM đặc thù, Đề án xây dựng NTM chuyên đề đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện trong giai đoạn 2016-2020; theo đề nghị của các địa phương, đề nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương cho tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025. Đồng thời giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan rà soát, cân đối để tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện các Đề án trong Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**